

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TP. BUÔN MA THUỘT** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 119/2025/DS-ST

Ngày: 27- 06 – 2025

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**  
**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Vĩ

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Hoàng Văn Mầm  
2. Ông Lê Phúc Tiếng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Quỳnh- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột:** Bà Nguyễn Thị Lan Anh -Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 06 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 858/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:129/2025/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 05 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số:126/QĐH-DS ngày 11 tháng 06 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị B, sinh năm 1962(Vắng mặt)

Địa chỉ: C L, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1997(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: A Bà T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

2 Bị đơn: Bà Hoàng Thị V, sinh năm 1986 và ông Ngô Quốc Đ, sinh năm 1980(Vắng mặt)

Địa chỉ: 181/50 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

3 Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1982(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Buôn A, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

- Bà Lê Thị T1, sinh năm 1976(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: 1 N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

- Ông Hoàng Văn H, sinh năm: 1958(Vắng mặt)

Địa chỉ: Buôn H' Đok, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1]. Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị B và đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc S trình bày:

Giữa bà Phạm Thị B với vợ chồng bà Hoàng Thị V và ông Ngô Quốc Đ quen biết từ lâu nên nhiều lần cho vợ chồng bà V vay tiền để làm ăn. Ngày 03/01/2024, các bên tính toán và chốt lại số tiền nợ gốc, cũng như tiền lãi suất mà vợ chồng bà V còn nợ của bà B, cụ thể theo “Giấy chốt công nợ cuối cùng”.

Tính đến ngày 03/01/2024 vợ chồng bà V, ông Đ còn nợ của bà B tổng số tiền: 2.757.000.000đồng; trong đó nợ gốc: 2.325.000.000đồng và nợ lãi suất 432.000.000đồng. Ngoài ra, vợ chồng bà V cam kết trả lãi 1%/2.757.000.000đồng vào ngày 03 hàng tháng. Thời gian trả nợ từ ngày 03/01/2024 đến ngày 03/01/2025.

Đến thời hạn trả nợ, mặc dù đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng vợ chồng bà V, ông Đ lại hứa và không thực hiện, sau đó lần tránh nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Hành vi không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên đã ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà Phạm Thị B. Hơn nữa, để đảm bảo mọi người dân có nghĩa vụ nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, cho nên đề nghị quý Tòa giải quyết:

-Buộc vợ chồng bà Hoàng Thị V và ông Ngô Quốc Đ có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị B số tiền 2.757.000.000đồng; trong đó nợ gốc 2.325.000.000đồng và nợ lãi 432.000.000đồng.

-Buộc bà Hoàng Thị V và ông Ngô Quốc Đ có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị B tiền lãi suất phát sinh với mức 1%/tháng/2.325.000.000đồng, kể từ ngày 04/01/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Đối với các lời khai của bà V về các khoản nợ thì bà B có ý kiến như sau:

Tại “Giấy chốt công nợ cuối cùng” ngày 03/01/2024 giữa tôi với vợ chồng bà V, ông Đ trong đó thể hiện:

2. Vay cô B (Hợp đồng Hoàng Văn H): 700.000.000 đồng ông Hoàng Văn H là bố của bà Hoàng Thị V. Trước đây, ông H nợ của bà B số tiền 700.000.000đồng, sau này các bên thống nhất chuyển giao khoản nợ của ông H cho vợ chồng bà V trả nợ cho bà B nên các bên chốt số tiền vợ chồng bà V còn nợ của bà B, trong đó có 700.000.000đồng của ông H.

3. Chị T: 700.000.000đồng. Trước đây bà B bảo lãnh cho vợ chồng bà V vay 700.000.000đồng của bà: NGUYỄN THỊ T, sinh năm 1982. Địa chỉ: Buôn A, P. E, Tp ., tỉnh Đắk Lắk. Sau này, bà B trả nợ thay cho vợ chồng bà V đối với khoản nợ này nên các bên chốt số tiền vợ chồng bà V còn nợ của bà B, trong đó có 700.000.000đồng của bà T.

4. C. T1: 400.000.000đồng

Trước đây bà B bảo lãnh cho vợ chồng bà V vay 400.000.000đồng của bà: LÊ THỊ T1, sinh năm 1976. Địa chỉ: 1 N, Tp ., tỉnh Đắk Lắk.

Sau này, bà B trả nợ thay cho vợ chồng bà V đối với khoản nợ này nên các bên chốt số tiền vợ chồng bà V còn nợ của bà B, trong đó có 400.000.000đồng của bà T1.

Hiện bà T1 và bà T đã có lời khai tại Tòa án là đã chuyển số nợ trên cho bà V ông Đ phải trả nên đề nghị Tòa án không công khai chứng cứ hòa giải nữa mà đưa vụ án ra xét xử vì bà V ông Đ cố tình né tránh không lên Tòa án làm việc.

2]. Bị đơn bà Hoàng Thị V và ông Ngô Quốc Đ trình bày:

Vợ chồng tôi thừa nhận có ký giấy chốt nợ ngày 03/01/2024 với bà Phạm Thị B theo đó: Ngày 03/01/2024 vợ chồng tôi còn nợ của bà B tổng số tiền 2.757.000.000đồng trong đó nợ gốc 2.325.000.000đồng và nợ lãi suất 432.000.000đồng. Ngoài ra, vợ chồng tôi cam kết trả lãi 1%/2.757.000.000đồng vào ngày 03 hàng tháng. Thời gian trả nợ đến ngày 03/01/2025. Nay tôi chưa đồng ý trả vì tôi chưa thu chứng từ gốc chuyển nợ từ bà Lê Thị T1, bà Nguyễn Thị T, ông Hoàng Văn H.

Đối với khoản vay 700.000.000 đồng của ông Hoàng Văn H thì bà B buộc bà phải ký giấy nợ với bà Đoàn Thị H1 để bà B lấy tiền bà H1 nên bà V, ông Đ không đồng ý trả,

Đối với Khoản 03 hợp đồng làm ăn 525.000.000 đồng bà V ông Đ đồng ý trả nhưng không tính lãi.

Đối với khoản vay 700.000.000 đồng bà V, ông Đ đồng ý trả bà B với điều kiện bà Nguyễn Thị T ra đối chiếu và hủy giấy vay gốc.

Đối với khoản vay bà Lê Thị T1 400.000.000 đồng bà V, ông Đ đồng ý trả với điều kiện bà T1 ra xác nhận và Hủy giấy gốc và không đồng ý đóng lãi vì đã đóng lãi cho bà T1 6.000.000 đồng rồi.

Đối với khoản lãi 432.000.000 đồng bà V, ông Đ không đồng ý trả vì bà V, ông Đ đã đóng lãi 03 năm rồi.

3]. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày: Thông qua giới thiệu của bà Phạm Thị B nên có cho bà Hoàng Thị V và ông Ngô Quốc Đ vay 700.000.000 đồng. Số tiền này bà B đã trả nợ thay cho bà V, ông Đ. Do vậy bà V, ông Đ không còn nợ tôi số tiền 700.000.000 đồng đã vay nên tôi từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án và xin xét xử vắng mặt tại tất cả các phiên xét xử.

4]. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T1 trình bày: Thông qua giới thiệu của bà Phạm thị B nên có cho bà Hoàng Thị V và ông Ngô Quốc Đ vay 400.000.000 đồng. Số tiền này bà B đã trả nợ thay cho bà V, ông Đ. Do vậy bà V, ông Đ không còn nợ tôi số tiền 400.000.000 đồng đã vay nên tôi từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án và xin xét xử vắng mặt tại tất cả các phiên xét xử.

5]. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn H: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 463, Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Đề nghị tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị B.

-Buộc bà Hoàng Thị V và ông Ngô Quốc Đ phải trả số tiền 2.757.000.000đồng, trong đó nợ gốc 2.325.000.000đồng và nợ lãi suất 432.000.000đồng và lãi suất 1%/tháng cho bà Phạm Thị B

-Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn bà Hoàng Thị V và ông Ngô Quốc Đ và Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn H vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn xét xử vắng mặt bà Hoàng Thị V và ông Ngô Quốc Đ và ông Hoàng Văn H theo quy định.

[2]. Về nội dung vụ án: Nguyên đơn bà Phạm Thị B và bị đơn bà Hoàng Thị V và ông Ngô Quốc Đ thừa nhận có ký giấy chốt nợ cuối cùng ngày 03/01/2024 vợ chồng bà Hoàng Thị V và ông Ngô Quốc Đ còn nợ của bà Phạm Thị B tổng số tiền 2.757.000.000đồng, trong đó nợ gốc 2.325.000.000đồng và nợ lãi suất 432.000.000đồng và cam kết vợ chồng bà V cam kết trả lãi 1%/tháng, trả vào ngày 03 hàng tháng. Thời gian trả nợ từ ngày 03/01/2024 đến ngày 03/01/2025.

Do bà Hoàng Thị V và ông Ngô Quốc Đ vi phạm nghĩa vụ trả lãi nên bà Phạm Thị B khởi kiện buộc bà Hoàng Thị V và ông Ngô Quốc Đ phải trả tiền như giấy chốt nợ cuối cùng ngày 03/01/2024,

Quá trình tham gia tố tụng bà Phạm Thị B thừa nhận các khoản nợ ký ngày 03/01/2024 thì ông Hoàng Văn H, bà Nguyễn Thị T, bà Lê Thị T1 đã chuyển nợ từ các chủ nợ sang nghĩa vụ bà Hoàng Thị V và ông Ngô Quốc Đ phải trả cho bà Phạm Thị B nên bà Hoàng Thị V và ông Ngô Quốc Đ không phải trả cho các chủ nợ trên.

Đối với ý kiến của bà Hoàng Thị V và ông Ngô Quốc Đ cho rằng các khoản nợ từ ông Hoàng Văn H, bà Nguyễn Thị T, bà Lê Thị T1 thì bà V ông Đ chưa thu chứng từ gốc chuyển nợ từ bà Lê Thị T1, bà Nguyễn Thị T, ông Hoàng Văn H nên bà không trả. Tuy nhiên Tòa án thông báo hợp lệ về các phiên hòa giải tiếp cận chứng cứ và đối chất thì bà Hoàng Thị V và ông Ngô Quốc Đ đều vắng mặt không cung cấp được chứng cứ nào để chứng minh, với lại bà Nguyễn Thị T, bà Lê Thị T1, bà Phạm Thị B đều thừa nhận đã chuyển nợ từ các chủ nợ sang nghĩa vụ bà Hoàng Thị V và ông Ngô Quốc Đ phải trả cho bà Phạm Thị B. Như vậy giấy chốt công nợ cuối cùng ngày 03/01/2024 giữa bà Phạm Thị B và bà Hoàng Thị V và ông Ngô Quốc Đ là có thật. Do đó bà Phạm Thị B khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn bà Hoàng Thị V và ông Ngô Quốc Đ phải trả số tiền 2.757.000.000đồng, trong đó nợ gốc: 2.325.000.000 đồng và nợ lãi 432.000.000đồng cho bà Phạm Thị B là có căn cứ phù hợp theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015.

[3]. Về lãi suất: Bà Phạm Thị B và bị đơn bà Hoàng Thị V và ông Ngô Quốc Đ thừa nhận là giấy nợ với lãi suất 1%/tháng. Do vậy cần chấp nhận tính lãi suất



1%/tháng theo quy định, cụ thể; từ ngày 04/01/2024 đến ngày 27/06/2025.

$2.325.000.000\text{đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 01 \text{ năm } 05 \text{ tháng } 24 \text{ ngày} = 413.850.000\text{đồng}$

Tổng cộng:  $2.325.000.000\text{đồng gốc} + 432.000.000\text{đồng lãi} + 413.850.000\text{đồng lãi} = 3.170.850.000\text{đồng}$

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Hoàng Thị V và ông Ngô Quốc Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật cụ thể:

$72.000.000\text{đồng} + (1.170.850.000\text{đồng} \times 2\%) = 95.417.000\text{đồng}$  án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Thị B được miễn tiền án phí theo điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 161, Điều 266, Điều 271, Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điểm d khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### ***Tuyên xử:***

1].Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thị B về việc:

-Buộc bà Hoàng Thị V và ông Ngô Quốc Đ phải trả số tiền: 3.170.850.000 đồng; trong đó: Gốc là 2.325.000.000đồng và 845.850.000 đồng tiền lãi cho bà Phạm Thị B.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2].Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Hoàng Thị V và ông Ngô Quốc Đ phải chịu số tiền 95.417.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Thị B được miễn tiền án phí theo điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- P. Kiểm tra - TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Vĩ**